TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN T** **TỈNH PHÚ THỌ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 06 /2018/QĐST-HNGĐ	*T, ngày 26 tháng 12 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 14/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2018, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Hà Thị Thu H**, sinh năm 1994;

Địa chỉ: Khu 2 Đ, xã K, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Bị đơn: Anh **Hà Văn S**, sinh năm 1987;

Địa chỉ: Khu C 1, xã T, huyện T, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 81, 82, 83 và Điều 110 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 12 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Hà Thị Thu H và anh Hà Văn S.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung:

+ Việc chăm sóc, nuôi dưỡng con chung: Chị H và anh S có 01 con chung là Hà Khánh N, sinh ngày 08/3/2016. Khi ly hôn, chị H trực tiếp nuôi dưỡng cháu N đến khi thành niên.

+ Việc cấp dưỡng: Anh S có nghĩa vụ cấp dưỡng cho cháu Hà Khánh N số

tiền 1.000.000đ/1tháng(một triệu đồng trên một tháng), kể từ tháng 1/2019 đến khi thành niên.

Hai bên đều có quyền và nghĩa vụ đối với con chung, không ai được cản trở.

- Về tài sản, công nợ, công sức đóng góp: Chị H và anh S không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về án phí: Chị H được miễn nộp tiền án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo Điểm đ, khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số 326/2016/UBTTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Anh S phải nộp 75.000đ (bảy mươi lăm nghìn đồng) án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và 150.000đ (một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí cấp dưỡng. Tổng cộng anh S phải nộp 225.000đ (hai trăm hai mươi lăm nghìn đồng) án phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

"Trong tr- ờng hợp bản án, quyết định đ- ợc thi hành theo quy định tại Điều 2 - luật thi hành án dân sự thì ng- ời đ- ợc thi hành án dân sự, ng- ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c- ỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án đ- ợc thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự."

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- UBND xã K;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Nguyễn Thị Hồng Mai